

Tăng tỷ trọng

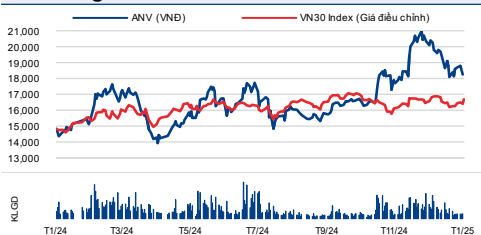
Giá mục tiêu: VNĐ20,200

Tiềm năng tăng/giảm: 10.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (23/1/2025)	18,300
Mã Bloomberg	ANV.VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	13,941-21,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	18,463
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	4,888
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	195
Sig CP lưu hành (tr.đv)	267
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	131
Sig CP NN được mua (tr.đv)	63.4
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	25.3%
Tỷ lệ freefloat	33.2%
Cổ đông lớn	Doãn Tới (53.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	4,439	4,695	5,904
EBITDA đc (tỷ đồng)	316	341	570
LNTT (tỷ đồng)	64.5	104	293
LNT ĐC (tỷ đồng)	39.2	74.7	234
FCF (tỷ đồng)	(126)	6.42	96.8
EPS ĐC (đồng)	304	480	877
DPS (đồng)	1,000	1,000	1,000
BVPS (đồng)	21,326	11,045	10,919
T.trưởng EBITDA (%)	(68.6)	8.01	67.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	(94.3)	57.9	83.0
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	7.11	7.26	9.65
Tỷ suất LNTT (%)	1.45	2.22	4.96
Tỷ suất LNT ĐC (%)	0.88	1.59	3.97
Tỷ lệ LN trả CT (%)	329	209	114
Nợ thuần/VCSH (%)	66.7	46.3	46.4
ROAE (%)	1.37	2.58	7.99
ROACE (%)	6.63	6.20	13.0
EV/doanh thu (lần)	0.96	1.33	1.05
EV/EBITDA ĐC (lần)	13.5	18.3	10.9
P/E ĐC (lần)	60.3	38.2	20.9
P/B (lần)	0.86	1.66	1.68
Lợi suất cổ tức (%)	5.46	5.46	5.46

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

ANV là nhà xuất khẩu cá tra lớn thứ ba Việt Nam. Công ty sở hữu một chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất TA cho cá đến nuôi cá và chế biến cá tra. ANV hiện tự sản xuất 100% cá nguyên liệu cho chế biến.

Chuyên viên phân tích

Trương Hồng Kim

Trưởng phòng
kim.thong@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4850

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q4/2024: Có lãi trở lại nhưng vẫn thấp hơn dự báo

- Doanh thu thuần của ANV tăng 22,5% so với cùng kỳ đạt 1.361 tỷ đồng, nhờ kim ngạch xuất khẩu tăng 37,7% so với cùng kỳ. Trong khi đó, lợi nhuận thuần đã chuyển biến tích cực đạt 6 tỷ đồng so với khoản lỗ trong Q4/2023, chủ yếu nhờ doanh thu mạnh mẽ.
- Tính chung cả năm 2024, doanh thu thuần đạt 4.911 tỷ đồng, tăng trưởng 10,6%, nhìn chung sát với dự báo của HSC, trong khi lợi nhuận thuần tăng trưởng 23,5% đạt 48 tỷ đồng nhưng vẫn thấp hơn 35% so với dự báo của chúng tôi.
- ANV đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 20,6 lần, thấp hơn 0,2 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2021 ở mức 24,8 lần. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2024

ANV công bố KQKD Q4/2024 khả quan với doanh thu thuần đạt 1.361 tỷ đồng, tăng 22,5% so với cùng kỳ (và tăng 1,5% so với quý trước). Lợi nhuận thuần đạt 6 tỷ đồng, chuyển biến từ khoản lỗ 0,5 tỷ đồng trong Q4/2023 (giảm 78,8% so với quý trước). Kết quả tăng trưởng mạnh mẽ so với cùng kỳ này được thúc đẩy nhờ lượng xuất khẩu tăng 37,8%.

Tính chung cả năm 2024, doanh thu thuần đạt 4.911 tỷ đồng, tăng 10,6% so với cùng kỳ trong khi lợi nhuận thuần đạt 48 tỷ đồng, tăng 23,5% so với cùng kỳ. Với kết quả này, Công ty đã hoàn thành 105% kế hoạch doanh thu và 65% kế hoạch lợi nhuận thuần cho cả năm 2024 của HSC.

Xuất khẩu mạnh mẽ dẫn dắt tăng trưởng

Trong Q4/2024, giá trị xuất khẩu đạt mức ấn tượng 1.022 tỷ đồng, tăng 37,7% so với cùng kỳ và 12,4% so với quý trước. Tính chung cả năm 2024, giá trị xuất khẩu đạt 3.206 tỷ đồng, tăng trưởng 10%.

Các thị trường không chủ chốt thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu

Xuất khẩu của ANV trong Q4/2024 chủ yếu được hỗ trợ bởi các thị trường không chủ chốt. Theo Agromonitor, xuất khẩu sang Trung Quốc, thị trường lớn nhất của ANV, đã giảm mạnh 34,1% so với cùng kỳ xuống 6,2 triệu USD. Tỷ trọng xuất khẩu sang Trung Quốc trong tổng giá trị xuất khẩu của ANV đã giảm xuống mức 22,5% trong Q4/2024, so với mức 33,3% trong Q4/2023 và 32,9% trong Q3/2024.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 24/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2024 & cả năm 2024, ANV

Tỷ đồng	Q4/23	Q4/24	% so với cùng kỳ	2023	2024	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	1,111	1,361	22.5%	4,439	4,911	10.6%
Giá vốn hàng bán	(997)	(1,222)	22.6%	(3,992)	(4,351)	9.0%
Lợi nhuận gộp	114	139	21.3%	447	560	25.2%
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	10.3%	10.2%		10.1%	11.4%	
Lợi nhuận HĐ tài chính	(39)	(9)	-76.0%	(132)	(71)	-46.5%
Chi phí BH&QL	(72)	(116)	62.4%	(264)	(366)	38.6%
Chi phí BH&QL/ Doanh thu (%)	6.4%	8.5%		6.0%	7.5%	
Lợi nhuận từ các cty LD, LK	(2)	(2)	-1.9%	(4)	(4)	1.6%
Lợi nhuận HĐ	2	11	523.6%	47	119	154.7%
Thu nhập thuần khác	3	3	5.4%	18	(41)	-331%
LNTT	4	14	220.4%	64	79	21.7%
LNST	(1)	6	N/m	39	48	23.5%
Lợi nhuận thuần	(1)	6	N/m	39	48	23.5%

Nguồn: ANV

Xuất khẩu sang các thị trường ASEAN tăng 4% so với cùng kỳ đạt 6,2 triệu USD, đóng góp 22,5% tổng lượng xuất khẩu trong Q4/2024, tăng từ mức 20,9% trong Q4/2023 và 12,3% trong Q3/2024. Xuất khẩu sang Mỹ cũng được cải thiện, tăng 8,4% so với cùng kỳ đạt 1,4 triệu USD mặc dù giảm 35% so với quý trước. Trong khi đó, xuất khẩu sang Nam Mỹ và EU giảm đáng kể, giảm lần lượt 40,6% so với cùng kỳ xuống 2,4 triệu USD và 18,8% so với cùng kỳ xuống 3,6 triệu USD. Ngược lại, xuất khẩu sang các thị trường khác trên thế giới tăng mạnh 140,5% so với cùng kỳ đạt 7,8 triệu USD (đi ngang so với quý trước). Điều này cho thấy sự thành công của ANV trong việc đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, giảm sự phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc đang suy yếu.

Tỷ suất lợi nhuận gộp chịu áp lực do giá bán bình quân yếu

Trong Q4/2024, lợi nhuận gộp tăng 21,3% so với cùng kỳ đạt 139 tỷ đồng, thấp hơn mức tăng 22,5% của doanh thu thuần. Điều này dẫn đến tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 10,2%, giảm nhẹ so với mức 10,3% trong Q4/2023 và thấp hơn đáng kể so với mức 12,9% trong Q3/2024. Nguyên nhân của sự sụt giảm này có thể là do giá bán bình quân yếu, vẫn thấp hơn 3% so với cùng kỳ. Ngoài ra, tỷ suất lợi nhuận gộp thực tế trong Q4/2024 thấp hơn so với dự báo của HSC ở mức 12,9%.

Tính chung cả năm 2024, tỷ suất lợi nhuận gộp đã cải thiện lên mức 11,4%, so với mức 10,1% trong năm 2023, chủ yếu nhờ sản lượng tiêu thụ tăng và chi phí nuôi trồng giảm.

Chi phí bán hàng cao bào mòn lợi nhuận

Trong Q4/2024, chi phí bán hàng tăng mạnh 77,2% so với cùng kỳ lên 95 tỷ đồng, do chi phí vận chuyển tăng mạnh 143% so với cùng kỳ lên 51 tỷ đồng, chủ yếu do xung đột ở Trung Đông. Chi phí thuê ngoài cũng tăng 33,9% so với cùng kỳ lên 137 tỷ đồng. Chi phí quản lý tăng 18,4% so với cùng kỳ lên 21 tỷ đồng.

Nhìn chung, chi phí quản lý & bán hàng tăng mạnh 62,4% so với cùng kỳ lên 116 tỷ đồng, dẫn đến tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng/doanh thu là 8,5%, so với mức 6,4% trong Q4/2023 và 7,6% trong Q3/2024. Con số này cao hơn dự báo của HSC về tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng/doanh thu là 7,5%.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu theo phương pháp DCF là 20.200đ (tiềm năng tăng giá 10,5%) đối với ANV. ANV đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 20,6 lần, thấp hơn 0,2 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2021 ở mức 24,8 lần.

Chúng tôi duy trì dự báo cho năm 2025 với lợi nhuận thuần đạt 234 tỷ đồng (tăng trưởng 387%) trên doanh thu thuần 5.904 tỷ đồng (tăng trưởng 20,2%).

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	4,897	4,439	4,695	5,904	6,099
Lợi nhuận gộp	1,336	447	573	788	857
Chi phí BH&QL	(472)	(264)	(337)	(384)	(397)
Thu nhập khác	19.1	17.7	(45.2)	0	0
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	882	201	191	404	460
Lãi vay thuần	(108)	(132)	(82.0)	(111)	(125)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(0.05)	(4.02)	(4.18)	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	774	64.5	104	293	336
Chi phí thuế TNDN	(100.0)	(25.3)	(29.6)	(58.6)	(67.1)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	674	39.2	74.7	234	268
Lợi nhuận thuần ĐC	674	39.2	74.7	234	268
EBITDA ĐC	1,004	316	341	570	620
EPS (đồng)	5,283	304	480	877	1,005
EPS ĐC (đồng)	5,283	304	480	877	1,005
DPS (đồng)	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	128	129	156	267	267
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	128	134	267	267	267
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	128	134	267	267	267

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	31.1	39.7	20.7	376	282
Đầu tư ngắn hạn	358	71.9	0	0	0
Phải thu khách hàng	435	369	470	557	549
Hàng tồn kho	2,333	2,347	2,431	2,350	2,426
Các tài sản ngắn hạn khác	98.4	123	106	140	150
Tổng tài sản ngắn hạn	3,255	2,951	3,028	3,422	3,407
TSCĐ hữu hình	1,392	1,243	1,333	1,346	1,329
TSCĐ vô hình	352	346	327	307	287
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	7.15	6.84	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	69.0	65.0	11.3	11.3	11.3
Tài sản dài hạn khác	392	501	161	181	183
Tổng tài sản dài hạn	2,213	2,162	1,832	1,846	1,810
Tổng cộng tài sản	5,468	5,113	4,860	5,268	5,217
Nợ ngắn hạn	1,769	1,784	1,169	1,519	1,519
Phải trả người bán	277	173	259	314	293
Nợ ngắn hạn khác	236	108	208	223	209
Tổng nợ ngắn hạn	2,418	2,103	1,722	2,163	2,112
Nợ dài hạn	153	145	188	188	188
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0.09	0.92	0.92	0.92	0.92
Nợ dài hạn khác	15.1	15.9	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	168	162	189	189	189
Tổng nợ phải trả	2,585	2,265	1,910	2,352	2,301
Vốn chủ sở hữu	2,882	2,848	2,950	2,916	2,916
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	2,882	2,848	2,950	2,916	2,916
Tổng nợ phải trả và VCSH	5,468	5,113	4,860	5,268	5,217
BVPS (đ)	22,598	21,326	11,045	10,919	10,919
Nợ thuần/(tiền mặt)	1,891	1,889	1,336	1,331	1,425

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	882	201	191	404	460
Khấu hao	(121)	(115)	(150)	(166)	(160)
Lãi vay thuần	(108)	(132)	(82.0)	(111)	(125)
Thuế TNDN đã nộp	(100.0)	(25.3)	(29.6)	(58.6)	(67.1)
Thay đổi vốn lưu động	(631)	(124)	77.9	44.5	(134)
Khác	102	(115)	(79.9)	(189)	(186)
LCT thuần từ HKKD	266	(81.7)	227	256	108
Đầu tư TS dài hạn	(275)	(44.3)	(221)	(159)	(123)
Góp vốn & đầu tư	(1,217)	(217)	0	0	0
Thanh lý	53.7	150	0	0	0
Khác	1,496	528	24.5	61.4	59.5
LCT thuần từ HĐĐT	57.0	416	(196)	(97.6)	(63.0)
Cổ tức trả cho CSH	(157)	(219)	(267)	(267)	(267)
Thu từ phát hành CP	0	60.0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(119)	(40.2)	217	464	128
Khác	(57.2)	(127)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(334)	(326)	(50.0)	197	(139)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	42.7	31.1	39.7	20.7	376
LCT thuần trong kỳ	(10.9)	8.67	(19.0)	355	(94.0)
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.72)	(0.05)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	31.1	39.7	20.7	376	282
Dòng tiền tự do	(9.47)	(126)	6.42	96.8	(14.7)

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	27.3	10.1	12.2	13.4	14.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.5	7.11	7.26	9.65	10.2
Tỷ suất LNT (%)	13.8	0.88	1.59	3.97	4.40
Thuế TNDN hiện hành (%)	12.9	39.2	28.4	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	40.1	(9.34)	5.76	25.8	3.30
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	188	(68.6)	8.01	67.2	8.76
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	423	(94.2)	90.6	214	14.5
Tăng trưởng EPS (%)	423	(94.3)	57.9	83.0	14.5
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	423	(94.3)	57.9	83.0	14.5
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	18.9	329	209	114	99.5
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	25.8	1.37	2.58	7.99	9.20
ROACE (%)	31.5	6.63	6.20	13.0	14.8
Vòng quay tài sản (lần)	0.95	0.84	0.94	1.17	1.16
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.30	(0.41)	1.19	0.63	0.23
Số ngày tồn kho	239	215	215	168	169
Số ngày phải thu	44.5	33.8	41.6	39.7	38.2
Số ngày phải trả	28.4	15.9	22.9	22.4	20.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	66.2	66.7	46.3	46.4	49.7
Nợ/tài sản (%)	35.5	37.9	28.5	32.8	33.2
EBIT/lãi vay (lần)	8.13	1.52	2.32	3.63	3.69
Nợ/EBITDA (lần)	1.93	6.14	4.07	3.04	2.79
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.35	1.40	1.76	1.58	1.61
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.79	0.96	1.33	1.05	1.04
EV/EBITDA ĐC (lần)	3.85	13.5	18.3	10.9	10.2
P/E (lần)	3.46	60.3	38.2	20.9	18.2
P/E ĐC (lần)	3.46	60.3	38.2	20.9	18.2
P/B (lần)	0.81	0.86	1.66	1.68	1.68
Lợi suất cổ tức (%)	5.46	5.46	5.46	5.46	5.46

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn